GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
**HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Số: **136** /QĐ-HĐTS

*TP. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 05 năm 2026*

# QUYẾT ĐỊNH
## V/v chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN TP. Cần Thơ Nhiệm kỳ I (2026 - 2031)

## CHỦ TỊCH
## HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM

- *Căn cứ Hiến chương Giáo hội Phật giáo Việt Nam;*
- *Căn cứ Luật Tín ngưỡng, tôn giáo;*
- *Căn cứ công văn 721/SDTTG-PTG ngày 10/04/2026 của Sở Dân tộc và Tôn giáo TP. Cần Thơ;*
- *Căn cứ tờ trình số 82/Ttr-BTS ngày 04/05/2026 của Ban Trị sự GHPGVN TP. Cần Thơ về việc đề nghị chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN TP. Cần Thơ nhiệm kỳ I (2026-2031).*

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Chuẩn y thành phần nhân sự Ban Trị sự GHPGVN TP. Cần Thơ nhiệm kỳ I (2026-2031), gồm 23 thành viên Chứng minh Ban Trị sự; 105 thành viên Ban Trị sự *(Ban Thường trực 35 vị, Ủy viên 60 vị, Ủy viên dự khuyết 10 vị)* do Hòa thượng Laddhapanno (Đào Như) làm Trưởng ban.

**Điều 2:** Tổng Thư ký Hội đồng Trị sự, Chánh Văn phòng 2 Trung ương GHPGVN, Trưởng Ban Trị sự GHPGVN TP. Cần Thơ và các vị có tên tại Điều 1 chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

**Điều 3:** Quyết định có hiệu lực kể từ ngày ký.

***Nơi nhận:***
- Như điều 2;
- Bộ DTTG, Ban TGCP;
- UBND TP. Cần Thơ;
- UBMTTQVN TP. Cần Thơ;
- Sở DTTG TP. Cần Thơ;
- PA02 CA TP. Cần Thơ;
- Lưu: VP1, VP2.

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0018
Số: 136/QĐ-HĐTS · 14/05/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC**
**CHỦ TỊCH**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

**Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
**HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

# DANH SÁCH
# BAN TRỊ SỰ GHPGVN TP. CẦN THƠ
# NHIỆM KỲ I (2026-2031)

(Theo Quyết định số 136 /QĐ-HĐTS ngày 14/05/2026)

## A. BAN CHỨNG MINH BAN TRỊ SỰ: 23 vị

1. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Nhường (Phạm Sáu)
2. Trưởng lão Hòa thượng VINIYATHARO (Tăng Nô)
3. Trưởng lão Hòa thượng RAKKHITA DHAMMO (Thạch Huônl)
4. Trưởng lão Hòa thượng Thích Minh Hồng (Lê Văn Hoàng)
5. Trưởng lão Hòa thượng AKESMUNIKOSATHERO (Thạch Sách)
6. Trưởng lão Hòa thượng Thích Giác Hoa (Huỳnh Văn Tư)
7. Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Phát (Cao Văn Chương)
8. Trưởng lão Hòa thượng Thích Trí Huệ (Dương Văn Mẫu)
9. Trưởng lão Hòa thượng RATANA SÔVANA (Kim Rêne)
10. Hòa thượng Thích Huệ Hóa (Trần Văn Sên)
11. Hòa thượng Thích Huệ Sanh (Phạm Hữu Long)
12. Hòa thượng Thích Thiện Tài (Lâm Hồng Hào)
13. Hòa thượng Thích Thiện Huệ (Đỗ Văn Điệp)
14. Hòa thượng SATHISPALO (Sơn Suôl)
15. Hòa thượng Thích Thiện Thạnh (Nguyễn Văn Tốt)
16. Hòa thượng Thích Minh Thành (Nguyễn Văn Chiến)
17. Hòa thượng RATANA PANNO (Thạch Sông)
18. Hòa thượng SOVANHNA PANHNHA (Trần Kiến Quốc)
19. Hòa thượng Thích Thiện Huệ (Trần Văn Sáu)
20. Hòa thượng Thích Thiện Thông (Huỳnh Văn Lẽ)
21. Hòa thượng Thích Minh Phúc (Huỳnh Tòng Phong)
22. Hòa thượng KHÀNHTẮP PIDÔ (Trần Sia)
23. Hòa thượng CHÊTĂ NĂTHÊ (Dương Nê)

## B. BAN TRỊ SỰ: 105 vị

## I. Ban Thường trực: 35 vị

| TT | Pháp danh/Thế danh | Năm sinh | Chức vụ |
|---|---|---|---|
| 1 | **HT. Laddhapanno**<br>(Đào Như) | 1955 | Trưởng ban BTS |
| 2 | **TT. Thích Bình Tâm**<br>(Nguyễn Thanh Phong) | 1964 | Phó Trưởng ban Thường trực;<br>Phụ trách Tăng sự |
| 3 | **TT. ChanhTêsThê PanhNha**<br>(Lý Đức) | 1970 | Phó Trưởng ban Thường trực |
| 4 | **HT. Thích Phước Thành**<br>(Đoàn Minh Trí) | 1965 | Phó Trưởng ban Thường trực |
| 5 | **HT. Suvanna Thera**<br>(Lý Hùng) | 1967 | Phó Trưởng ban |
| 6 | **TT. Dhamma Palo**<br>(Trần Văn Tha) | 1968 | Phó Trưởng ban |
| 7 | **TT. Thích Thông Hạnh**<br>(Nguyễn Văn Sơn) | 1962 | Phó Trưởng ban |
| 8 | **TT. Thích Thiện Nguyện**<br>(Trương Văn Pháp) | 1977 | Phó Trưởng ban;<br>Chánh Thư ký |
| 9 | **ĐĐ. Thirannano**<br>(Danh Tuấn) | 1981 | Phó Trưởng ban |
| 10 | **HT. Thích Minh Thành**<br>(Võ Thanh Tâm) | 1963 | Phó Trưởng ban |
| 11 | **TT. Thích Thiện Hữu**<br>(Phan Viên Lộc) | 1981 | Phó Thư ký; Chánh Văn phòng;<br>Phụ trách Truyền thông |
| 12 | **TT. Thích Định Hương**<br>(Nguyễn Khương Phụng) | 1969 | Phó Thư ký |
| 13 | **ĐĐ. Thích Thiện Đức**<br>(Đoàn Văn Cảnh) | 1991 | Phó Thư ký |
| 14 | **HT. Thích Nhựt Quang**<br>(Ung Văn Chính) | 1964 | Ủy viên Thường trực;<br>Phụ trách Giáo dục Phật giáo |
| 15 | **TT. Thích Minh Phú**<br>(Nguyễn Văn Quí) | 1973 | Ủy viên Thường trực;<br>Phụ trách Pháp chế - Kiểm soát |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 16 | **TT. Thích Thanh Lập**<br>(Trần Đức Thân) | 1968 | Ủy viên Thường trực; Phụ trách Hoằng pháp - Hướng dẫn Phật tử |
| 17 | **TT. Thích Trung Túc**<br>(Trần Văn Liêm) | 1973 | Ủy viên Thường trực; Phụ trách<br>Từ thiện xã hội - Kinh tế tài chính |
| 18 | **TT. Thích Minh Phước**<br>(Đặng Văn Phước) | 1980 | Ủy viên Thường trực;<br>Phụ trách Phật giáo Quốc Tế |
| 19 | **ĐĐ. Thích Minh Quy**<br>(Thích Minh Quy) | 1981 | Ủy viên Thường trực;<br>Phụ trách Văn hóa – Nghi lễ |
| 20 | **HT. Pajjoto**<br>(Mai Xe) | 1960 | Ủy viên Thường trực |
| 21 | **HT. Pannamuni**<br>(Trần Sone) | 1965 | Ủy viên Thường trực |
| 22 | **TT. Răмoni Panha**<br>(Lý Hải) | 1969 | Ủy viên Thường trực |
| 23 | **TT. TếSaRa NắTheRô**<br>(Thạch Thươl) | 1973 | Ủy viên Thường trực |
| 24 | **TT. Thích Phước Dũng**<br>(Nguyễn Thanh Dũng) | 1968 | Ủy viên Thường trực |
| 25 | **TT. Thích Đạo Như**<br>(Võ Trung Hiền) | 1972 | Ủy viên Thường trực |
| 26 | **TT. Thích Tâm Thành**<br>(Lưu Minh Nhứt) | 1975 | Ủy viên Thường trực |
| 27 | **ĐĐ. Thích Thiện Hậu**<br>(Lý Si Riêng) | 1992 | Ủy viên Thường trực;<br>Trợ lý Trưởng Ban Trị sự |
| 28 | **ĐĐ. Thích Minh Kiến**<br>(Trần Khánh Hiếu) | 1982 | Ủy viên Thường trực |
| 29 | **NT. Thích nữ Như Hương**<br>(Trương Thị Út) | 1961 | Ủy viên Thường trực;<br>Trưởng Phân ban Ni giới |
| 30 | **NS. Thích nữ Chơn Như**<br>(Lê Thị Cẩm Hoa) | 1962 | Ủy viên Thủ quỹ |
| 31 | **NS. Thích nữ Diệu Ngọc**<br>(Nguyễn Thụy Tươi) | 1959 | Ủy viên Thường trực |
| 32 | **NS. Thích nữ Diệu Nguyện**<br>(Phạm Thị Thủy) | 1962 | Ủy viên Thường trực |
| 33 | **NS. Thích nữ Hiếu Liên**<br>(Trang Bảo Ngọc) | 1974 | Ủy viên Thường trực |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 34 | **NS. Thích nữ Huệ Châu**<br>(Lê Thị Bảo Thơ) | 1974 | Ủy viên Thường trực |
| 35 | **Cư sĩ Quang Huân**<br>(Đinh Công Quân) | 1990 | Ủy viên Thường trực |

**II. Uỷ viên: 60 vị**

| | | | |
|---|---|---|---|
| 36 | **HT. Kontadhamo**<br>(Dương An) | 1965 | Ủy viên |
| 37 | **TT. Thích Minh Nhãn**<br>(Phạm Thanh Sơn) | 1970 | Ủy viên |
| 38 | **TT. Thích Thiện Minh**<br>(Ung Văn Hiện) | 1971 | Ủy viên |
| 39 | **TT. Thích Chiếu Nhơn**<br>(Phạm Văn Lợi) | 1971 | Ủy viên |
| 40 | **TT. Devamitto**<br>(Lâm Thiện) | 1974 | Ủy viên |
| 41 | **TT. Thích Trung Đa**<br>(Trần Văn Qui) | 1973 | Ủy viên |
| 42 | **ĐĐ. Thích Trung Hữu**<br>(Võ Minh Phụng) | 1973 | Ủy viên |
| 43 | **TT. Chotanh Nhenô**<br>(Liêu Huyền) | 1975 | Ủy viên |
| 44 | **ĐĐ. Thích Giác Tâm**<br>(Trần Trung Tính) | 1964 | Ủy viên |
| 45 | **TT. Thích Tánh Linh**<br>(Nguyễn Ngọc Hà) | 1970 | Ủy viên |
| 46 | **ĐĐ. Răməni Panhnha**<br>(Sơn Lợi) | 1977 | Ủy viên |
| 47 | **ĐĐ. Thích Trung Thạnh**<br>(Ung Văn Thương) | 1977 | Ủy viên |
| 48 | **ĐĐ. Thích Minh Cầu**<br>(Trương Thanh Dũng) | 1978 | Ủy viên |
| 49 | **TT. Sô Wana Panhnho**<br>(Danh Suông) | 1979 | Ủy viên |
| 50 | **ĐĐ. Thích Quảng Trí**<br>(Nguyễn Hoàng Duy) | 1979 | Ủy viên |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 51 | **ĐĐ. A This Panh Nhô**<br>(Lý Đa) | 1979 | Ủy viên |
| 52 | **ĐĐ. Thích Minh Nhựt**<br>(Phan Hạnh Phương) | 1981 | Ủy viên |
| 53 | **ĐĐ. Thích Thiện Hiển**<br>(Đoàn Văn Vinh) | 1989 | Ủy viên |
| 54 | **ĐĐ. Thích Thiện Tâm**<br>(Huỳnh Thanh Trúc) | 1981 | Ủy viên |
| 55 | **ĐĐ. Thích Thiện Lộc**<br>(Nguyễn Hồng Lịnh) | 1987 | Ủy viên |
| 56 | **ĐĐ. Telaka Dhammo**<br>(Sơn Minh Hiền) | 1985 | Ủy viên |
| 57 | **ĐĐ. Thích Tâm Hòa**<br>(Ung Văn Vẹn) | 1988 | Ủy viên |
| 58 | **ĐĐ. Gunkaro**<br>(Lý Thành) | 1988 | Ủy viên |
| 59 | **ĐĐ. Thích Trung Nghĩa**<br>(Trần Ngọc Thạnh) | 1988 | Ủy viên |
| 60 | **ĐĐ. Pannavimalo**<br>(Thạch Dũng Lâm) | 1987 | Ủy viên |
| 61 | **ĐĐ. Thích Quang Phước**<br>(Trần Văn Hùng) | 1970 | Ủy viên |
| 62 | **ĐĐ. Thích Thiện Bửu**<br>(Nguyễn Văn Dũ) | 1979 | Ủy viên |
| 63 | **ĐĐ. Thích Phước Tịnh**<br>(Đoàn Khiển Em) | 1988 | Ủy viên |
| 64 | **ĐĐ. Thích Huệ Minh**<br>(La Thành Hảo) | 1983 | Ủy viên |
| 65 | **ĐĐ. Thích Minh Tịnh**<br>(Võ Hoàng Nhân) | 1981 | Ủy viên |
| 66 | **ĐĐ. Thích Pháp Thông**<br>(Trương Viên Thành) | 1989 | Ủy viên |
| 67 | **ĐĐ. Thích Quang Thạc**<br>(Trần Minh Trí) | 1974 | Ủy viên |
| 68 | **ĐĐ. Thích Minh Trí**<br>(Nguyễn Minh Trí) | 1988 | Ủy viên |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 69 | **ĐĐ. Thích Phước An**<br>(Nguyễn Văn Đậm) | 1987 | Ủy viên |
| 70 | **ĐĐ. Thích Minh Tịnh**<br>(Huỳnh Thiện Tính) | 1986 | Ủy viên |
| 71 | **ĐĐ. SuVanNaJoTa**<br>(Danh Thanh) | 1986 | Ủy viên |
| 72 | **ĐĐ. Thích Quảng Thiền**<br>(Nguyễn Lâm Sơn) | 1990 | Ủy viên |
| 73 | **ĐĐ. Thích Phước Đạt**<br>(Nguyễn Thanh Thắng) | 1976 | Ủy viên |
| 74 | **ĐĐ. Thích Thiện Thiền**<br>(Đỗ Viết Thực) | 1978 | Ủy viên |
| 75 | **ĐĐ. Thích Phước Thuận**<br>(Dương Hữu Nghị) | 1983 | Ủy viên |
| 76 | **ĐĐ. Thích Thiên Đăng**<br>(Ngô Thanh Tùng) | 1996 | Ủy viên |
| 77 | **ĐĐ. Thích Quang Dụng**<br>(Nguyễn Đức Trọng) | 1999 | Ủy viên |
| 78 | **ĐĐ. Thích Lệ Tường**<br>(Huỳnh Quốc Quang) | 1990 | Ủy viên |
| 79 | **ĐĐ. Dakkhappanno**<br>(Sơn Phê Rum) | 1988 | Ủy viên |
| 80 | **ĐĐ. Jotiviriyo**<br>(Lý Na Ni) | 1976 | Ủy viên |
| 81 | **NT. Thích nữ Như Hải**<br>(Nguyễn Thị Thu Hương) | 1962 | Ủy viên |
| 82 | **NS. Thích nữ Lan Liên**<br>(Lữ Thị Mỹ Lan) | 1964 | Ủy viên |
| 83 | **NS. Thích nữ Nguyên Hoa**<br>(Văn Thị Lệ) | 1960 | Ủy viên |
| 84 | **NS. Thích nữ Tài Liên**<br>(Đường Thị Mỹ) | 1969 | Ủy viên |
| 85 | **NS. Thích nữ Như Hoa**<br>(Nguyễn Thị Đèo) | 1968 | Ủy viên |
| 86 | **NS. Thích nữ Ngộ Hoàng**<br>(Triệu Kim Thuấn) | 1972 | Ủy viên |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 87 | **NS. Thích nữ Liên Tâm**<br>(Đàm Thị Thanh) | 1971 | Ủy viên |
| 88 | **SC. Thích nữ Phước Nhiên**<br>(Dương Kim Liên) | 1975 | Ủy viên |
| 89 | **SC. Thích nữ Chúc Thu**<br>(Lê Thị Nhẫn) | 1978 | Ủy viên |
| 90 | **SC. Thích nữ Thành Liên**<br>(Nguyễn Thị Mỹ Tiên) | 1978 | Ủy viên |
| 91 | **SC. Thích nữ Huệ Hậu**<br>(Trần Thơm Diệu) | 1980 | Ủy viên |
| 92 | **SC. Thích nữ Nghiêm Thật**<br>(Bùi Thị Mộng Hằng) | 1980 | Ủy viên |
| 93 | **SC. Thích nữ Nhựt Hạnh**<br>(Dương Thị Tiếm) | 1981 | Ủy viên |
| 94 | **SC. Thích nữ Huệ Hà**<br>(Quách Thị Kim Loan) | 1983 | Ủy viên |
| 95 | **SC. Thích nữ Tịnh Hòa**<br>(Phan Thị Thủy) | 1973 | Ủy viên |

**III. Uỷ viên dự khuyết: 10 vị**

| | | | |
|---|---|---|---|
| 96 | **ĐĐ. Thích Pháp Hạnh**<br>(Nguyễn Văn Út Tuấn) | 1993 | Ủy viên dự khuyết |
| 97 | **ĐĐ. Thích Quảng Nhật**<br>(Huỳnh Khánh Nhựt) | 1993 | Ủy viên dự khuyết |
| 98 | **ĐĐ. Thích Phước Độ**<br>(Nguyễn Văn Đa) | 1981 | Ủy viên dự khuyết |
| 99 | **ĐĐ. Thích Minh Quang**<br>(Phan Văn Giọng) | 1988 | Ủy viên dự khuyết |
| 100 | **ĐĐ. Thích Lệ Đức**<br>(Nguyễn Thanh Tùng) | 1994 | Ủy viên dự khuyết |
| 101 | **SC. Thích nữ Ngọc Đức**<br>(Bùi Thị Thùy Trâm) | 1993 | Ủy viên dự khuyết |
| 102 | **SC. Thích nữ Tịnh Hằng**<br>(Trần Thúy Hằng) | 1989 | Ủy viên dự khuyết |
| 103 | **SC. Thích nữ Phước Đăng**<br>(Dương Kim Phượng) | 1979 | Ủy viên dự khuyết |

| | | | |
|---|---|---|---|
| 104 | **SC. Thích nữ Phương Liên**<br>(Nguyễn Thị Phước Anh) | 1970 | Ủy viên dự khuyết |
| 105 | **SC. Thích nữ Trung Thiền**<br>(Đoàn Minh Châu) | 1983 | Ủy viên dự khuyết |

**TM. BAN THƯỜNG TRỰC**
**CHỦ TỊCH**

GIÁO HỘI PHẬT GIÁO VIỆT NAM
BAN THƯỜNG TRỰC TRUNG ƯƠNG
HỘI ĐỒNG TRỊ SỰ

**Hòa thượng Thích Thiện Nhơn**

VĂN BẢN GHPGVN
Mã: VBGH-X-2026-0018
Số: 136/QĐ-HĐTS · 14/05/2026
Quét QR đối chiếu bản gốc